

PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ
LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC TRONG HỆ THỐNG HÀNH CHÍNH
NHÀ NƯỚC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ THUỘC
LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP TRUNG ƯƠNG				
1	Kiểm kê tài nguyên nước	Tài nguyên nước	- Điểm b Khoản 3 Điều 9 Luật Tài nguyên nước năm 2023 - Điểm a Khoản 4 Điều 6 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ	Bộ Tài nguyên và Môi trường (Cục Quản lý tài nguyên nước)
2	Xây dựng Báo cáo tài nguyên nước quốc gia	Tài nguyên nước	- Điểm c Khoản 3 Điều 9 Luật Tài nguyên nước năm 2023 - Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ	Bộ Tài nguyên và Môi trường (Cục Quản lý tài nguyên nước)
3	Xây dựng Chiến lược tài nguyên nước quốc gia	Tài nguyên nước	Khoản 4 Điều 11 Luật Tài nguyên nước năm 2023	Bộ Tài nguyên và Môi trường (Cục Quản lý tài nguyên nước)
4	Xây dựng, phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành về tài nguyên nước	Tài nguyên nước	- Khoản 5 Điều 9 Luật Tài nguyên nước năm 2023 - Khoản 2 Điều 15 Luật Tài nguyên nước năm 2023 - Điều 10, 11 và Điều 12 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ	Bộ Tài nguyên và Môi trường (Cục Quản lý tài nguyên nước, cơ quan được giao lập Quy hoạch)
5	Lập, phê duyệt Quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành về tài nguyên nước	Tài nguyên nước	- Khoản 5 Điều 9 và Khoản 5 Điều 17 Luật Tài nguyên nước năm 2023 - Điều 10, 13, 14, 15, 16, 17 và Điều 18 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày	Bộ Tài nguyên và Môi trường (Cục Quản lý tài nguyên nước, cơ quan được giao lập Quy hoạch)

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
			16/5/2024 của Chính phủ	
6	Điều chỉnh Quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành về tài nguyên nước	Tài nguyên nước	- Khoản 5 Điều 9 và Khoản 5 Điều 17 Luật Tài nguyên nước năm 2023 - Điều 10, 13, 14, 15, 16, 17 và khoản 1 Điều 19 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ	Bộ Tài nguyên và Môi trường (Cục Quản lý tài nguyên nước, cơ quan được giao lập Quy hoạch)
7	Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch lưu vực sông liên tỉnh	Tài nguyên nước	- Khoản 4 Điều 19 Luật Tài nguyên nước năm 2023 - Khoản 2 Điều 19 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ	Bộ Tài nguyên và Môi trường (Cục Quản lý tài nguyên nước)
8	Phê duyệt chức năng nguồn nước liên tỉnh, liên quốc gia	Tài nguyên nước	- Khoản 5 Điều 22 Luật tài nguyên nước năm 2023 - Điểm a Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ Tài nguyên và Môi trường (Cục Quản lý tài nguyên nước)
9	Phê duyệt dòng chảy tối thiểu trên sông, suối liên tỉnh, liên quốc gia	Tài nguyên nước	- Khoản 6 Điều 24 Luật tài nguyên nước năm 2023 - Điểm a Khoản 2 Điều 19 Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ Tài nguyên và Môi trường (Cục Quản lý tài nguyên nước)
10	Điều chỉnh dòng chảy tối thiểu trên sông, suối liên tỉnh, liên quốc gia	Tài nguyên nước	- Khoản 9 Điều 24 Luật tài nguyên nước năm 2023 - Điều 20 Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ Tài nguyên và Môi trường (Cục Quản lý tài nguyên nước)
11	Phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt đối với công trình có phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt nằm trên địa bàn hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên	Tài nguyên nước	- Khoản 6 Điều 26 Luật Tài nguyên nước năm 2023 - Khoản 3 Điều 12 Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ Tài nguyên và Môi trường (Cục Quản lý tài nguyên nước)

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
12	Lập danh mục nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm cần phục hồi và xây dựng kế hoạch, chương trình, đề án phục hồi các nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm	Tài nguyên nước	Khoản 2 Điều 34 Luật Tài nguyên nước năm 2023	Bộ Tài nguyên và Môi trường (Cục Quản lý tài nguyên nước)
13	Xây dựng, cập nhật kịch bản nguồn nước trên các lưu vực sông	Tài nguyên nước	- Khoản 5 Điều 35 Luật tài nguyên nước năm 2023 - Điều 41, khoản 1 Điều 45 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ	Bộ Tài nguyên và Môi trường (Cục Quản lý tài nguyên nước)
14	Xây dựng, cập nhật phương án điều hòa, phân phối tài nguyên nước trên lưu vực sông	Tài nguyên nước	- Điều 35 Luật Tài nguyên nước năm 2023 - Khoản 4 Điều 40, khoản 2 Điều 44 và Khoản 1 Điều 45 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ	Bộ Tài nguyên và Môi trường (Cục Quản lý tài nguyên nước)
15	Lập quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông	Tài nguyên nước	- Điểm a khoản 7 Điều 38 Luật tài nguyên nước năm 2023 - Điều 52 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ	Bộ Tài nguyên và Môi trường (Cục Quản lý tài nguyên nước)
16	Điều chỉnh quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông	Tài nguyên nước	- Điểm a khoản 7 Điều 38 Luật tài nguyên nước năm 2023 - Điều 52 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ	Bộ Tài nguyên và Môi trường (Cục Quản lý tài nguyên nước)
17	Lập quy trình vận hành liên hồ chứa theo thời gian thực	Tài nguyên nước	- Điểm a khoản 8 Điều 38 Luật tài nguyên nước năm 2023 - Điều 51 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ	Bộ Tài nguyên và Môi trường (Cục Quản lý tài nguyên nước)
18	Điều chỉnh quy trình vận hành liên hồ chứa theo thời gian thực	Tài nguyên nước	- Điểm a khoản 8 Điều 38 Luật tài nguyên nước năm 2023 - Điều 51 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ	Bộ Tài nguyên và Môi trường (Cục Quản lý tài nguyên nước)

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
19	Lập, điều chỉnh danh mục hồ, ao, đầm, phá liên tỉnh không được san lấp	Tài nguyên nước	- Khoản 6 Điều 63 Luật Tài nguyên nước năm 2023 - Khoản 1 Điều 57 và Điểm c Khoản 2 Điều 58 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ	Bộ Tài nguyên và Môi trường (Cục Quản lý tài nguyên nước)

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP TỈNH

1	Phê duyệt, điều chỉnh chức năng nguồn nước mặt nội tỉnh	Tài nguyên nước	- Khoản 5 Điều 22 Luật tài nguyên nước năm 2023 - Điểm b Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Tài nguyên và Môi trường)
2	Lập Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước	Tài nguyên nước	- Khoản 3 Điều 23 Luật Tài nguyên nước năm 2023 - Khoản 3 Điều 26 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Tài nguyên và Môi trường)
3	Điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước hoặc Điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước	Tài nguyên nước	- Khoản 3 Điều 23 Luật Tài nguyên nước năm 2023 - Khoản 4 Điều 26 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Tài nguyên và Môi trường)
4	Phê duyệt, công bố dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh	Tài nguyên nước	- Khoản 7 Điều 24 Luật tài nguyên nước năm 2023 - Điểm a Khoản 2 Điều 19 Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Tài nguyên và Môi trường)
5	Điều chỉnh dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh	Tài nguyên nước	- Khoản 7 Điều 24 Luật tài nguyên nước năm 2023 - Điều 20 Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Tài nguyên và Môi trường)
6	Phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt đối với công trình nằm trên địa	Tài nguyên nước	- Điểm b Khoản 2 Điều 26 Luật Tài nguyên nước năm 2023 - Khoản 2 Điều 12 Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Tài nguyên và Môi trường)

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	
7	Phê duyệt kế hoạch bảo vệ nước dưới đất	Tài nguyên nước	- Khoản 7 Điều 31 Luật Tài nguyên nước năm 2023 - Điều 24 Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Tài nguyên và Môi trường)
8	Điều chỉnh kế hoạch bảo vệ nước dưới đất	Tài nguyên nước	- Khoản 7 Điều 31 Luật Tài nguyên nước năm 2023 - Điều 25 Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Tài nguyên và Môi trường)
9	Phê duyệt, điều chỉnh Danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất	Tài nguyên nước	- Khoản 4 Điều 31 Luật Tài nguyên nước năm 2023 - Điều 38 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Tài nguyên và Môi trường)
10	Lập danh mục các đập, hồ chứa trên sông, suối phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành thuộc địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Tài nguyên nước	- Khoản 9 Điều 38 Luật Tài nguyên nước - Khoản 1 Điều 55 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Tài nguyên và Môi trường)
11	Lập danh mục các đập, hồ chứa trên sông, suối phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên	Tài nguyên nước	- Khoản 9 Điều 38 Luật Tài nguyên nước năm 2023 - Khoản 3 Điều 55 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở hạ du của nguồn nước liên tỉnh (Sở Tài nguyên và Môi trường ở hạ du của nguồn nước liên tỉnh)
12	Phê duyệt quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Tài nguyên nước	- Khoản 9 Điều 38 Luật Tài nguyên nước năm 2023 - Khoản 2 Điều 55 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Tài nguyên và Môi trường)

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
13	Phê duyệt quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên	Tài nguyên nước	- Khoản 9 Điều 38 Luật Tài nguyên nước năm 2023 - Khoản 2 Điều 55 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở hạ du của nguồn nước liên tỉnh (Sở Tài nguyên và Môi trường ở hạ du của nguồn nước liên tỉnh)
14	Lập danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp	Tài nguyên nước	- Khoản 6 Điều 63 Luật Tài nguyên nước năm 2023 - Khoản 2 Điều 57 và Điểm c Khoản 2 Điều 58 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Tài nguyên và Môi trường)
15	Điều chỉnh danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp	Tài nguyên nước	- Khoản 6 Điều 63 Luật Tài nguyên nước năm 2023 - Điều 58 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Tài nguyên và Môi trường)

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. Thủ tục hành chính nội bộ cấp Trung ương

1. Kiểm kê tài nguyên nước

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức xây dựng đề án, kế hoạch kiểm kê tài nguyên nước trên phạm vi cả nước.

- Bước 2: Lấy ý kiến Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về dự thảo đề án, kế hoạch kiểm kê tài nguyên nước trên phạm vi cả nước.

- Bước 3: Tổng hợp, tiếp thu, giải trình góp ý và hoàn thiện dự thảo trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Bước 4: Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt đề án, kế hoạch kiểm kê tài nguyên nước.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Thủ tướng Chính phủ.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án, kế hoạch kiểm kê tài nguyên nước.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

2. Xây dựng Báo cáo tài nguyên nước quốc gia

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức xây dựng Báo cáo tài nguyên nước quốc gia.

- Bước 2: Lấy ý kiến Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về dự thảo Báo cáo tài nguyên nước quốc gia.

- Bước 3: Tổng hợp, tiếp thu, giải trình góp ý và hoàn thiện dự thảo Báo cáo tài nguyên nước quốc gia.

- Bước 4: Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố Báo cáo tài nguyên nước quốc gia.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo tài nguyên nước quốc gia.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Nội dung chính của Báo cáo tài nguyên nước quốc gia bao gồm: tổng quan về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội có tác động tới khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước; hiện trạng tài nguyên nước; hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước; đánh giá tình hình suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước mặt, nước dưới đất; công tác quản lý tài nguyên nước trên phạm vi cả nước; đề xuất, kiến nghị (nếu có).

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

3. Xây dựng Chiến lược tài nguyên nước quốc gia

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức xây dựng chiến lược tài nguyên nước quốc gia.

- Bước 2: Lấy ý kiến Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về dự thảo Chiến lược tài nguyên nước quốc gia.

- Bước 3: Tổng hợp, tiếp thu, giải trình góp ý và hoàn thiện dự thảo Chiến lược tài nguyên nước quốc gia trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Bước 4: Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt Chiến lược tài nguyên nước quốc gia.

- b) *Cách thức thực hiện*: Không quy định.
- c) *Thành phần, số lượng hồ sơ*: Không quy định.
- d) *Thời gian thực hiện*: Không quy định.
- đ) *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*: Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- e) *Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính*: Thủ tướng Chính phủ.
- g) *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính*: Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược tài nguyên nước quốc gia.
- h) *Phí, lệ phí (nếu có)*: Không quy định.
- i) *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*: Không quy định.
- k) *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)*: Không quy định.
- l) *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*: Luật Tài nguyên nước năm 2023.

4. Xây dựng, phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành về tài nguyên nước

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường giao Cơ quan lập quy hoạch thực hiện việc lập quy hoạch. Cơ quan lập quy hoạch tổ chức xây dựng hoặc thuê đơn vị tư vấn xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch.

- Bước 2: Cơ quan lập quy hoạch gửi hồ sơ đề nghị phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch.

- Bước 3: Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường thành lập Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch.

- Bước 4: Tổ chức họp Hội đồng thẩm định với thành phần hội đồng, điều kiện tiến hành phiên họp, trách nhiệm của cơ quan thường trực hội đồng, thành phần hồ sơ thẩm định, nội dung thẩm định, thời gian thẩm định theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP.

- Bước 5: Cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến Hội đồng thẩm định và gửi Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định cho ý kiến trước khi trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt.

- Bước 6: Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, phê duyệt.

b) *Cách thức thực hiện*: Không quy định.

c) *Thành phần, số lượng hồ sơ*:

- Tờ trình phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch;

- Dự thảo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch kèm theo thuyết minh nhiệm vụ lập quy hoạch;

- Biên bản họp thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch kèm theo bản giải trình, tiếp thu ý kiến các thành viên Hội đồng;

- Tài liệu khác (nếu có).

d) Thời gian thực hiện: không quá 09 tháng kể từ ngày được giao nhiệm vụ. Trường hợp cần gia hạn, Cơ quan lập quy hoạch báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định việc điều chỉnh kéo dài thời gian nhưng tối đa không quá 03 tháng.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan lập quy hoạch được Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường giao.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

5. Lập, phê duyệt Quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành về tài nguyên nước

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan lập quy hoạch tổ chức xây dựng hoặc thuê đơn vị tư vấn xây dựng các nội dung của quy hoạch, hoàn thiện Hồ sơ quy hoạch gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để thẩm định.

- Bước 2: Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức gửi lấy ý kiến về Hồ sơ quy hoạch đến các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Tổ chức lưu vực sông (nếu có) và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP. Cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện Hồ sơ quy hoạch theo ý kiến góp ý, trình thẩm định quy hoạch.

- Bước 3: Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch và tổ chức họp Hội đồng thẩm định.

+ Trường hợp quy hoạch được Hội đồng thẩm định thông qua hoặc thông qua có chỉnh sửa, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ gửi đến cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định cho ý kiến trước khi báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, quyết định trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch;

+ Trường hợp quy hoạch không được Hội đồng thẩm định thông qua, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm hoàn thiện lại hồ sơ, gửi đến cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định để báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định lại theo quy trình thẩm định quy hoạch.

- Bước 4: Bộ Tài nguyên và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt quy hoạch.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định

c) Thành phần, số lượng hồ sơ trình, phê duyệt:

- Tờ trình phê duyệt quy hoạch;

- Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch, nội dung chủ yếu gồm: thời kỳ quy hoạch, phạm vi, đối tượng quy hoạch, quan điểm, mục tiêu, nội dung quy hoạch, giải pháp thực hiện quy hoạch, kinh phí thực hiện quy hoạch và tổ chức thực hiện;

- Biên bản họp Hội đồng thẩm định; văn bản báo cáo về việc tiếp thu, giải trình ý kiến của Hội đồng thẩm định quy hoạch;

- Bản tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến và bản chụp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân;

- Báo cáo thuyết minh quy hoạch đã chỉnh lý, hoàn thiện;

- Hệ thống sơ đồ, bản đồ về quy hoạch;

- Tài liệu khác (nếu có);

- Đối với Hồ sơ Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh còn có thêm Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường giao lập quy hoạch; Bộ Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Thủ tướng Chính phủ.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Thủ tướng Chính

phủ phê duyệt quy hoạch.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

6. Điều chỉnh Quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành về tài nguyên nước

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường giao Cơ quan lập quy hoạch tổ chức rà soát, điều chỉnh Quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành về tài nguyên nước (quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước và quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh).

- Bước 2: Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi lấy ý kiến về Hồ sơ điều chỉnh quy hoạch tới các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Tổ chức lưu vực sông (nếu có) và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP. Cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện Hồ sơ điều chỉnh quy hoạch theo ý kiến góp ý, trình thẩm định quy hoạch.

- Bước 3: Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch và tổ chức họp Hội đồng thẩm định.

+ Trường hợp quy hoạch được Hội đồng thẩm định thông qua hoặc thông qua có chỉnh sửa, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ gửi đến cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định cho ý kiến trước khi báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, quyết định trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch;

+ Trường hợp quy hoạch không được Hội đồng thẩm định thông qua, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm hoàn thiện lại hồ sơ, gửi đến cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định để báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định lại theo quy trình thẩm định quy hoạch.

- Bước 4: Bộ Tài nguyên và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch.

b) *Cách thức thực hiện*: Không quy định

c) *Thành phần, số lượng hồ sơ trình, phê duyệt*:

- Tờ trình phê duyệt điều chỉnh quy hoạch;
- Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch;
- Biên bản họp Hội đồng thẩm định; văn bản báo cáo về việc tiếp thu, giải trình ý kiến của Hội đồng thẩm định quy hoạch;
- Bản tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến và bản chụp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân;
- Báo cáo thuyết minh điều chỉnh quy hoạch đã chỉnh lý, hoàn thiện;
- Hệ thống sơ đồ, bản đồ về quy hoạch;
- Tài liệu khác (nếu có);
- Đối với Hồ sơ điều chỉnh quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh còn có thêm Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

d) *Thời gian thực hiện*: Không quy định.

đ) *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*: Cơ quan lập quy hoạch; Bộ Tài nguyên và Môi trường.

e) *Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính*: Thủ tướng Chính phủ.

g) *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính*: Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch.

h) *Phí, lệ phí (nếu có)*: Không quy định.

i) *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*: Không quy định.

k) *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)*: Không quy định.

l) *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;
- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

7. Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh

a) *Trình tự thực hiện*:

- Bước 1: Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi hồ sơ đề nghị điều chỉnh đến Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổ chức thẩm định.

- Bước 2: Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức lấy ý kiến của các Bộ, cơ quan ngang bộ, tổ chức lưu vực sông (nếu có) và các địa phương liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 14 của Nghị định này về Hồ sơ đề nghị điều chỉnh quy hoạch.

Trong trường hợp cần thiết, Bộ Tài nguyên và Môi trường lấy thêm ý kiến một số chuyên gia, tổ chức cuộc họp với các cơ quan, đơn vị liên quan, các chuyên gia để cho ý kiến góp ý trước khi xem xét, quyết định việc điều chỉnh.

- Bước 3: Cơ quan, đơn vị đề nghị điều chỉnh hoàn thiện Hồ sơ đề nghị điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh theo ý kiến góp ý và gửi đến Bộ Tài nguyên và Môi trường để xem xét, thẩm định, phê duyệt.

- Bước 4: Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả sau khi phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Văn bản đề nghị điều chỉnh quy hoạch;
- Báo cáo thuyết minh đề nghị điều chỉnh;
- Tài liệu khác (nếu có).

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
- Bộ Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;
- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

8. Phê duyệt chức năng nguồn nước liên tỉnh, liên quốc gia

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cục Quản lý tài nguyên nước phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan liên quan xác định, phân vùng chức năng đối với các nguồn nước mặt liên tỉnh, nguồn nước mặt liên quốc gia.

- Bước 2: Lấy ý kiến các Bộ Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức lưu vực sông (nếu có) và các cơ quan, đơn vị có liên quan về kết quả phân vùng chức năng nguồn nước.

- Bước 3: Cục Quản lý tài nguyên nước tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn chỉnh hồ sơ trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, phê duyệt.

- Bước 4: Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt chức năng nguồn nước liên tỉnh, liên quốc gia.

- Bước 5: Trong thời hạn 14 ngày, kể từ ngày phê duyệt phân vùng chức năng nguồn nước, Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố, đăng tải quyết định phê duyệt phân vùng chức năng nguồn nước trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cục Quản lý tài nguyên nước.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt chức năng nguồn nước liên tỉnh, liên quốc gia.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

9. Phê duyệt dòng chảy tối thiểu trên sông, suối liên tỉnh, liên quốc gia

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cục Quản lý tài nguyên nước tổ chức điều tra, xác định vị trí, giá trị dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối liên tỉnh, liên quốc gia.

- Bước 2: Lấy ý kiến các Bộ: Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức lưu vực sông (nếu có), các cơ quan, đơn vị có liên quan về hồ sơ dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối liên tỉnh, liên quốc gia.

- Bước 3: Cục Quản lý tài nguyên nước tổng hợp, tiếp thu, giải trình góp ý và hoàn thiện hồ sơ trình Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Bước 4: Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt dòng chảy tối thiểu trên sông, suối liên tỉnh, liên quốc gia.

- Bước 5: Trong thời hạn 14 ngày, kể từ ngày quyết định được phê duyệt, Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố, đăng tải quyết định phê duyệt dòng chảy tối thiểu kèm theo danh mục dòng chảy tối thiểu trên sông, suối liên tỉnh, liên quốc gia trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Dự thảo Quyết định phê duyệt kèm theo danh mục dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối;

- Báo cáo thuyết minh việc xác định dòng chảy tối thiểu;

- Sơ đồ dòng chảy tối thiểu của hệ thống sông, suối.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cục Quản lý tài nguyên nước.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt dòng chảy tối thiểu kèm theo danh mục dòng chảy tối thiểu trên sông, suối liên tỉnh, liên quốc gia.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Thông tư số 03/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

10. Điều chỉnh dòng chảy tối thiểu trên sông, suối liên tỉnh, liên quốc gia

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cục Quản lý tài nguyên nước tổ chức điều tra, rà soát, xác định vị trí, giá trị dòng chảy tối thiểu cần điều chỉnh trên các sông, suối liên tỉnh, liên quốc gia theo định kỳ hoặc khi có sự điều chỉnh nội dung liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên nước trong các quy hoạch; có dự án, công trình khai thác nước mới được hình thành làm thay đổi lớn đến chế độ dòng chảy trên sông, suối; có sự biến động về điều kiện tự nhiên tác động lớn đến nguồn nước.

- Bước 2: Lấy ý kiến về hồ sơ điều chỉnh dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối liên tỉnh, liên quốc gia tới các Bộ: Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức lưu vực sông (nếu có), các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Bước 3: Cục Quản lý tài nguyên nước tổng hợp, tiếp thu, giải trình góp ý và hoàn thiện hồ sơ trình Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Bước 4: Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt điều chỉnh dòng chảy tối thiểu trên sông, suối liên tỉnh, liên quốc gia.

- Bước 5: Trong thời hạn 14 ngày, kể từ ngày quyết định được phê duyệt, Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố, đăng tải quyết định phê duyệt điều chỉnh dòng chảy tối thiểu kèm theo danh mục dòng chảy tối thiểu trên sông, suối liên tỉnh, liên quốc gia trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Dự thảo Quyết định phê duyệt điều chỉnh kèm theo danh mục dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối;

- Báo cáo thuyết minh việc xác định dòng chảy tối thiểu;

- Sơ đồ dòng chảy tối thiểu của hệ thống sông, suối.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cục Quản lý tài nguyên nước.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt điều chỉnh dòng chảy tối thiểu kèm theo danh mục

dòng chảy tối thiểu trên sông, suối liên tỉnh, liên quốc gia.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Thông tư số 03/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

11. Phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt đối với công trình có phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt nằm trên địa bàn hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường nơi có công trình khai thác chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh có liên quan thống nhất phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình dựa trên cơ sở đề xuất phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của tổ chức, cá nhân.

- Bước 2: Trong thời hạn 42 ngày, kể từ ngày nhận được giấy phép khai thác tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường nơi có công trình khai thác nước gửi phương án về phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt đã được thống nhất tại Bước 1 tới Cục Quản lý tài nguyên nước xem xét, trình Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt.

- Bước 3: Cục Quản lý tài nguyên nước trình Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, phê duyệt phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình.

- Bước 4: Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quyết định phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình.

- Bước 5: Trong thời hạn 42 ngày, kể từ ngày có quyết định phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức việc công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử của địa phương và gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan tổ chức xác định ranh giới vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên thực địa.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) *Thời gian thực hiện*: Không quy định.

đ) *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*:

- Sở Tài nguyên và Môi trường nơi có công trình khai thác nước;
- Cục Quản lý tài nguyên nước.

e) *Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính*: Bộ Tài nguyên và Môi trường.

g) *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính*: Quyết định của Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt.

h) *Phí, lệ phí (nếu có)*: Không quy định.

i) *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*: Không quy định.

k) *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)*: Không quy định.

l) *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;
- Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

12. Lập danh mục nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm cần phục hồi và xây dựng kế hoạch, chương trình, đề án phục hồi các nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm

a) *Trình tự thực hiện*:

- Bước 1: Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức lập danh mục nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm cần phục hồi và xây dựng kế hoạch, chương trình, đề án phục hồi các nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm.

- Bước 2: Lấy ý kiến Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan về dự thảo danh mục, kế hoạch, chương trình, đề án phục hồi các nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm.

- Bước 3: Tổng hợp, tiếp thu, giải trình góp ý và hoàn thiện dự thảo danh mục, kế hoạch, chương trình, đề án phục hồi các nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm.

- Bước 4: Trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt danh mục, kế hoạch, chương trình, đề án phục hồi các nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm.

b) *Cách thức thực hiện*: Không quy định.

c) *Thành phần, số lượng hồ sơ*: Không quy định.

d) *Thời gian thực hiện*: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Thủ tướng Chính phủ.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục, kế hoạch, chương trình, đề án phục hồi các nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Luật Tài nguyên nước năm 2023.

13. Xây dựng, cập nhật Kịch bản nguồn nước trên các lưu vực sông

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản đề nghị các bộ, ngành, địa phương phối hợp cung cấp các thông tin, số liệu để tổng hợp, tính toán phục vụ xây dựng, cập nhật Kịch bản nguồn nước trên lưu vực sông.

- Bước 2: Các Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức lưu vực sông (nếu có), cơ quan, tổ chức có liên quan trên lưu vực sông có trách nhiệm cung cấp, cập nhật thông tin, số liệu gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để xây dựng, cập nhật Kịch bản nguồn nước trên lưu vực sông.

- Bước 3: Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng, cập nhật kịch bản nguồn nước.

- Bước 4: Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo việc công bố, đăng tải thường xuyên, liên tục kịch bản nguồn nước trên các lưu vực sông trên cổng thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường, đồng thời thông báo đến bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan trên lưu vực sông.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thuộc lưu vực sông đăng tải thường xuyên, liên tục kịch bản nguồn nước trên cổng thông tin điện tử của địa phương.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kịch bản nguồn nước trên lưu vực sông.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

14. Xây dựng, cập nhật phương án điều hòa, phân phối tài nguyên nước trên lưu vực sông

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Căn cứ kịch bản nguồn nước trên lưu vực sông được công bố có dự báo, cảnh báo sẽ xuất hiện trạng thái thiếu nước hoặc thiếu nước nghiêm trọng, Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản đề nghị các bộ, ngành, địa phương phối hợp cung cấp các thông tin, số liệu để tổng hợp, tính toán phục vụ xây dựng, cập nhật phương án điều hòa, phân phối tài nguyên nước.

- Bước 2: Các Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức lưu vực sông (nếu có), cơ quan, tổ chức có liên quan trên lưu vực sông có trách nhiệm cung cấp, cập nhật thông tin về hiện trạng, dự báo nhu cầu khai thác, sử dụng nước của ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Bước 3: Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, thống nhất với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan về phương án điều hòa, phân phối tài nguyên nước trên lưu vực sông.

Trường hợp xảy ra hạn hán, thiếu nước nghiêm trọng trên diện rộng, trên nhiều lưu vực sông thì Bộ Tài nguyên và Môi trường báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, công bố tình trạng hạn hán, thiếu nước và quyết định phương án điều hòa, phân phối tài nguyên nước.

Trường hợp xảy ra hạn hán, thiếu nước nghiêm trọng tại các địa phương trên địa bàn 01 tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đó công bố tình trạng hạn hán, thiếu nước và triển khai các giải pháp ứng phó.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Phương án điều hòa, phân phối

tài nguyên nước trên lưu vực sông.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

15. Lập quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan tổ chức lập danh mục các đập, hồ chứa phải vận hành theo quy trình vận hành liên hồ chứa và xây dựng Quy trình vận hành liên hồ chứa trên các lưu vực sông.

- Bước 2: Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi lấy ý kiến các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức lưu vực sông và tổ chức khác có liên quan bằng văn bản về dự thảo Quy trình vận hành liên hồ chứa trên các lưu vực sông.

- Bước 3: Bộ Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện dự thảo Quy trình vận hành liên hồ chứa theo ý kiến góp ý.

- Bước 4: Bộ Tài nguyên và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời hạn thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Thủ tướng Chính phủ.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy trình vận hành liên hồ chứa trên các lưu vực sông.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;
- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

16. Điều chỉnh quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có đề nghị điều chỉnh quy trình vận hành liên hồ chứa thì gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường phương án điều chỉnh quy trình vận hành liên hồ chứa để thẩm định.

- Bước 2: Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi hồ sơ lấy ý kiến các Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức lưu vực sông có liên quan (nếu có) về phương án điều chỉnh quy trình vận hành liên hồ chứa.

- Bước 3: Bộ Tài nguyên và Môi trường thành lập Hội đồng thẩm định trong trường hợp phương án điều chỉnh quy trình vận hành liên hồ chứa làm thay đổi cơ bản nội dung chính của quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông.

Các thành viên của Hội đồng bao gồm đại diện Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Công Thương; Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia; đại diện tổ chức lưu vực sông liên quan (nếu có); đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan, đơn vị quản lý, vận hành các hồ chứa, cơ quan, đơn vị khác có liên quan và chuyên gia về tài nguyên nước do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định.

- Bước 4: Trường hợp đủ điều kiện để phê duyệt phương án, Bộ Tài nguyên và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

Trường hợp không đủ điều kiện để phê duyệt thì thông báo bằng văn bản để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện:

- Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi hồ sơ đề xuất phương án điều chỉnh quy trình vận hành liên hồ chứa đến Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Kết quả thẩm định phương án điều chỉnh quy trình vận hành liên hồ chứa.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ

- Dự thảo Quyết định ban hành Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

- Báo cáo thuyết minh phương án điều chỉnh quy trình vận hành liên hồ chứa kèm theo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị liên quan (nếu có);

- Sơ đồ hiện trạng các đập, hồ chứa, liên hồ chứa trong Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông;

- Các tài liệu khác có liên quan.

d) Thời hạn thực hiện: 49 ngày.

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức xem xét, kiểm tra hồ sơ.

- Thời hạn thẩm định hồ sơ: trong thời hạn 42 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thẩm định phương án.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kết quả thẩm định phương án điều chỉnh quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

17. Lập quy trình vận hành liên hồ chứa theo thời gian thực

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì tổ chức lập Quy trình vận hành liên hồ chứa theo thời gian thực trên các lưu vực sông.

- Bước 2: Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi lấy ý kiến các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức lưu vực sông và tổ chức khác có liên quan bằng văn bản về dự thảo Quy trình vận hành liên hồ chứa theo thời gian thực trên các lưu vực sông.

- Bước 3: Bộ Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện dự thảo Quy trình vận hành liên hồ chứa theo thời gian thực theo ý kiến góp ý.

- Bước 4: Bộ Tài nguyên và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

b) *Cách thức thực hiện*: Không quy định.

c) *Thành phần, số lượng hồ sơ*: Không quy định.

d) *Thời hạn thực hiện*: Không quy định.

đ) *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*: Bộ Tài nguyên và Môi trường.

e) *Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính*: Thủ tướng Chính phủ.

g) *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính*: Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy trình vận hành liên hồ chứa trên các lưu vực sông theo thời gian thực.

h) *Phí, lệ phí (nếu có)*: Không quy định.

i) *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*: Không quy định.

k) *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)*:

Khi hạ tầng kỹ thuật bảo đảm đáp ứng các điều kiện, yêu cầu vận hành hồ chứa, liên hồ chứa theo thời gian thực theo quy định tại Điều 50 của Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

l) *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

18. Điều chỉnh quy trình vận hành liên hồ chứa theo thời gian thực

a) *Trình tự thực hiện*:

- Bước 1: Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có đề nghị điều chỉnh quy trình vận hành liên hồ chứa theo thời gian thực thì gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường phương án điều chỉnh quy trình vận hành liên hồ chứa theo thời gian thực để thẩm định.

- Bước 2: Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi hồ sơ lấy ý kiến các Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức lưu vực sông có liên quan (nếu có) về phương án điều chỉnh quy trình vận hành liên hồ chứa theo thời gian thực.

- Bước 3: Bộ Tài nguyên và Môi trường thành lập Hội đồng thẩm định trong trường hợp phương án điều chỉnh quy trình vận hành liên hồ chứa theo thời gian thực làm thay đổi cơ bản nội dung chính của quy trình vận hành liên hồ chứa theo thời gian thực trên lưu vực sông.

Các thành viên của Hội đồng bao gồm đại diện Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Công Thương; Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia; đại diện tổ chức lưu vực sông liên quan (nếu có); đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan, đơn vị quản lý, vận hành các hồ chứa, cơ quan, đơn vị khác có liên quan và chuyên gia về tài nguyên nước do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định.

- Bước 4: Trường hợp đủ điều kiện để phê duyệt phương án, Bộ Tài nguyên và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

Trường hợp không đủ điều kiện để phê duyệt thì thông báo bằng văn bản để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện:

- Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi hồ sơ đề xuất phương án điều chỉnh quy trình vận hành liên hồ chứa theo thời gian thực đến Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Kết quả thẩm định phương án điều chỉnh quy trình vận hành liên hồ chứa theo thời gian thực.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời hạn thực hiện: 49 ngày.

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức xem xét, kiểm tra hồ sơ.

- Thời hạn thẩm định hồ sơ: trong thời hạn 42 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thẩm định phương án.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kết quả thẩm định phương án điều chỉnh quy trình vận hành liên hồ chứa theo thời gian thực.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Khi hạ tầng kỹ thuật bảo đảm đáp ứng các điều kiện, yêu cầu vận hành hồ chứa, liên hồ chứa theo thời gian thực theo quy định tại Điều 50 của Nghị định

số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;
- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

19. Lập, điều chỉnh danh mục hồ, ao, đầm phá liên tỉnh không được san lấp

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cục Quản lý tài nguyên nước lập Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp nằm trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.

Trường hợp điều chỉnh: Định kỳ (05 năm một lần) hoặc trong trường hợp cần thiết, Cục Quản lý tài nguyên nước rà soát, lập danh mục các hồ, ao, đầm, phá điều chỉnh bổ sung vào Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp đã phê duyệt.

- Bước 2: Lấy ý kiến Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công thương, Bộ Xây dựng, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có hồ, ao, đầm, phá thuộc Danh mục và tổ chức lưu vực sông (nếu có) có liên quan về hồ sơ Danh mục hồ, ao, đầm, phá liên tỉnh không được san lấp. Hồ sơ gửi lấy ý kiến theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 57 Nghị định 53/2024/NĐ-CP.

- Bước 3: Tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức và hoàn thiện dự thảo.

- Bước 4: Cục Quản lý tài nguyên nước trình Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt danh mục hồ, ao, đầm, phá liên tỉnh không được san lấp.

- Bước 5: Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Danh mục hồ, ao, đầm, phá liên tỉnh không được san lấp.

- Bước 6: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có Quyết định phê duyệt, Cục Quản lý tài nguyên nước công bố danh mục trên các phương tiện thông tin đại chúng và đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường; thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có hồ, ao, đầm, phá không được san lấp, các bộ, cơ quan ngang bộ liên quan và cập nhật vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ trình, phê duyệt:

- Tờ trình phê duyệt Danh mục hồ, ao, đầm phá liên tỉnh không được san lấp;
- Dự thảo Quyết định phê duyệt Danh mục hồ, ao, đầm phá liên tỉnh không được san lấp;
- Báo cáo thuyết minh việc lập Danh mục hồ, ao, đầm, phá liên tỉnh không được san lấp;
- Bản tổng hợp giải trình, tiếp thu các ý kiến góp ý, kèm theo bản chụp các ý kiến góp ý;
- Các tài liệu khác liên quan.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cục Quản lý tài nguyên nước.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Danh mục hồ, ao, đầm, phá liên tỉnh không được san lấp.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;
- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

B. Thủ tục hành chính nội bộ cấp tỉnh

1. Phê duyệt, điều chỉnh chức năng nguồn nước mặt nội tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức xác định, điều chỉnh phân vùng chức năng đối với các nguồn nước mặt nội tỉnh.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi lấy ý kiến các Sở: Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan về kết quả phân vùng chức năng nguồn nước.

- Bước 3: Trên cơ sở ý kiến góp ý, Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tiếp thu, giải trình, hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Bước 4: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, điều chỉnh chức năng nguồn nước mặt nội tỉnh.

- Bước 5: Trong thời hạn 14 ngày, kể từ ngày phê duyệt, điều chỉnh phân vùng chức năng nguồn nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo thẩm quyền công bố, đăng tải quyết định phê duyệt, điều chỉnh phân vùng chức năng nguồn nước trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt/điều chỉnh chức năng nguồn nước mặt nội tỉnh.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

2. Lập Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện lập Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi hồ sơ lấy ý kiến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải và các sở, ngành có liên quan về Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ. Hồ sơ lấy ý kiến theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 26 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP.

- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện hồ sơ trên cơ sở ý kiến góp ý, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Bước 4: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ.

- Bước 5: Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày phê duyệt, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức công bố Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên các phương tiện thông tin đại chúng, đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường, thông báo tới Ủy ban nhân dân cấp huyện và niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ trình, phê duyệt:

- Tờ trình phê duyệt Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ, bao gồm các nội dung chính sau: thuyết minh về việc lựa chọn các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ; cơ sở xác định chức năng của từng hành lang bảo vệ; quá trình tổ chức xây dựng Danh mục.

- Dự thảo Quyết định phê duyệt Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ;

- Bản tổng hợp, bản chụp ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị có liên quan;

- Tài liệu khác có liên quan.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

3. Điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước hoặc điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát, đánh giá lập Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn cần điều chỉnh hoặc các nguồn nước phải điều chỉnh phạm vi hành lang.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi hồ sơ lấy ý kiến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải và các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan về việc điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ hoặc điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước. Hồ sơ lấy ý kiến theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 26 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP.

- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Bước 4: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ hoặc điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước.

- Bước 5: Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày phê duyệt, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức công bố điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ hoặc điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước trên các phương tiện thông tin đại chúng, đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường, thông báo tới Ủy ban nhân dân cấp huyện và niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ trình, phê duyệt:

- Tờ trình điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ, bao gồm các nội dung chính sau: thuyết minh về việc lựa chọn các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ; cơ sở xác định chức năng của từng hành lang bảo vệ; quá trình tổ chức xây dựng Danh mục.

- Dự thảo Quyết định điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ;

- Bản tổng hợp, bản chụp ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị có liên quan;
- Tài liệu khác có liên quan.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ hoặc điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;
- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

4. Phê duyệt, công bố dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức điều tra, xác định vị trí, giá trị dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối nội tỉnh.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi hồ sơ lấy ý kiến các Sở: Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các Sở, ban, ngành có liên quan về dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối nội tỉnh.

- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp ý kiến các Sở, ban ngành, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường (qua Cục Quản lý tài nguyên nước) để cho ý kiến.

- Bước 4: Trên cơ sở ý kiến góp ý, Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tiếp thu, giải trình, hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

- Bước 5: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt về dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối nội tỉnh.

- Bước 6: Trong thời hạn 14 ngày, kể từ ngày quyết định được phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố, đăng tải Quyết định phê duyệt dòng chảy tối thiểu kèm theo danh mục dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Tờ trình, Dự thảo Quyết định phê duyệt kèm theo danh mục dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối;

- Báo cáo thuyết minh việc xác định dòng chảy tối thiểu;

- Sơ đồ dòng chảy tối thiểu của hệ thống sông, suối.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt dòng chảy tối thiểu kèm theo danh mục dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Thông tư số 03/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

5. Điều chỉnh dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức điều tra, rà soát, xác định vị trí, giá trị dòng chảy tối thiểu điều chỉnh trên các sông, suối nội tỉnh theo định kỳ (05 năm) hoặc khi có sự điều chỉnh nội dung liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên nước trong các quy hoạch; có dự án, công trình khai thác nước mới được hình thành làm thay đổi lớn đến chế độ dòng chảy trên sông, suối; có sự biến động về điều kiện tự nhiên tác động lớn đến nguồn nước.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi hồ sơ lấy ý kiến các Sở: Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Xây dựng,

Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các Sở, ban, ngành có liên quan về hồ sơ điều chỉnh dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối nội tỉnh.

- Bước 3: Trên cơ sở ý kiến góp ý, Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp ý kiến các Sở, ban ngành, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường (qua Cục Quản lý tài nguyên nước) để cho ý kiến.

- Bước 4: Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tiếp thu, giải trình góp ý và hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Bước 5: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt quyết định điều chỉnh dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối nội tỉnh.

- Bước 6: Trong thời hạn 14 ngày, kể từ ngày quyết định được phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố, đăng tải quyết định phê duyệt điều chỉnh dòng chảy tối thiểu kèm theo danh mục dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Tờ trình, Dự thảo Quyết định phê duyệt điều chỉnh kèm theo danh mục dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối nội tỉnh;

- Báo cáo thuyết minh việc xác định dòng chảy tối thiểu;

- Sơ đồ dòng chảy tối thiểu của hệ thống sông, suối.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt điều chỉnh dòng chảy tối thiểu kèm theo danh mục dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Thông tư số 03/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

6. Phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt đối với công trình nằm trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường nơi có công trình khai thác tổ chức xác định phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình trên cơ sở đề xuất phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của tổ chức, cá nhân và hiện trạng sử dụng đất.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình (trong thời hạn 42 ngày kể từ ngày nhận được giấy phép khai thác tài nguyên nước).

- Bước 3: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình.

- Bước 4: Trong thời hạn 42 ngày, kể từ ngày có quyết định phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức việc công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử của địa phương và gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan tổ chức xác định ranh giới vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên thực địa.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian trình, phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình: 42 ngày (kể từ ngày nhận được giấy phép khai thác tài nguyên nước).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

7. Phê duyệt kế hoạch bảo vệ nước dưới đất

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện việc điều tra, thống kê, tổng hợp thông tin, số liệu và xây dựng dự thảo kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn tỉnh.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi lấy ý kiến bằng văn bản đến Sở: Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện và đại diện một số tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng nước dưới đất lớn trên địa bàn tỉnh về dự thảo kế hoạch bảo vệ nước dưới đất.

- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn chỉnh dự thảo kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, đơn vị và gửi lấy ý kiến của Cục Quản lý tài nguyên nước.

- Bước 4: Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn chỉnh dự thảo kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Bước 5: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn tỉnh.

- Bước 6: Sở Tài nguyên và Môi trường cập nhật kế hoạch bảo vệ nước dưới đất vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia trong vòng 07 ngày sau khi được phê duyệt và tổ chức thực hiện.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn tỉnh.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất phải phù hợp với quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh; phải phù hợp với phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra trong quy hoạch tỉnh.

- Xác định được phạm vi các khu vực, tầng chứa nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm và nguyên nhân gây ra; phương án tổ chức thực hiện các giải pháp

khoanh định hoặc đưa ra khỏi vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; phương án khai thác nước dưới đất; khu vực cần bổ sung nhân tạo nước dưới đất; giải pháp bảo vệ chất lượng nguồn nước dưới đất. Ưu tiên bảo vệ, phục hồi các tầng chứa nước khai thác chính, các tầng chứa nước được khai thác để cấp nước sinh hoạt.

- Việc lập kế hoạch bảo vệ nước dưới đất phải dựa trên cơ sở kết quả điều tra, đánh giá tài nguyên nước dưới đất; thông tin, số liệu quan trắc tài nguyên nước dưới đất của mạng quan trắc tài nguyên nước dưới đất, tại công trình khai thác nước dưới đất và các thông tin, số liệu có liên quan khác từ Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia (nếu có).

Trường hợp thông tin, số liệu chưa đảm bảo làm cơ sở lập kế hoạch bảo vệ nước dưới đất thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc bổ sung công tác điều tra, đánh giá tài nguyên nước dưới đất để phục vụ lập kế hoạch bảo vệ nước dưới đất.

- Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất phải đồng bộ, phù hợp với nguồn lực, giải pháp thực hiện; bảo đảm tính khả thi và hiệu quả trong triển khai thực hiện.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

8. Điều chỉnh kế hoạch bảo vệ nước dưới đất

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức rà soát kế hoạch bảo vệ nước dưới đất, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kết quả rà soát và kiến nghị điều chỉnh kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn tỉnh (nếu có) theo định kỳ (05 năm) hoặc trong trường hợp cần thiết.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi lấy ý kiến bằng văn bản đến các Sở: Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện và đại diện một số tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng nước dưới đất lớn trên địa bàn tỉnh về dự thảo điều chỉnh kế hoạch bảo vệ nước dưới đất.

- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn chỉnh dự thảo điều chỉnh Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, đơn vị và gửi lấy ý kiến của Cục Quản lý tài nguyên nước.

- Bước 4: Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn chỉnh dự thảo điều chỉnh Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Bước 5: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn tỉnh.

- Bước 6: Sở Tài nguyên và Môi trường cập nhật điều chỉnh kế hoạch bảo vệ nước dưới đất vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia trong vòng 07 ngày sau khi được phê duyệt và tổ chức thực hiện.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Điều chỉnh Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn tỉnh.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- Có sự điều chỉnh của quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh hoặc phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra trong quy hoạch tỉnh làm thay đổi cơ bản về định hướng khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước dưới đất;

- Có biến động lớn về nguồn nước dưới đất trên địa bàn tỉnh do ảnh hưởng của các yếu tố tự nhiên, nhân tạo.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

9. Phê duyệt, điều chỉnh Danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng hồ sơ phê duyệt, điều chỉnh vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; phương án, lộ trình tổ chức thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi hồ sơ lấy ý kiến về hồ sơ phê duyệt, điều chỉnh vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất bằng văn bản tới các cơ quan, đơn vị liên quan, bao gồm:

+ Các Sở: Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế và các sở, ban, ngành khác có liên quan;

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện có phạm vi thuộc vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất;

+ Đại diện cộng đồng dân cư có phạm vi thuộc vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất;

+ Các tổ chức, cá nhân có công trình khai thác nước dưới đất nằm trong phương án.

Hồ sơ lấy ý kiến theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP.

- Bước 3: Các cơ quan, tổ chức, cá nhân được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ.

- Bước 4: Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện hồ sơ trên cơ sở ý kiến góp ý của các đơn vị, cơ quan, tổ chức, cá nhân báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức hội đồng thẩm định với sự tham gia của các sở, ban, ngành có liên quan và các chuyên gia, nhà khoa học về tài nguyên nước.

- Bước 5: Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến hội đồng thẩm định và gửi hồ sơ kèm theo Báo cáo tiếp thu, giải trình đến Sở Tài nguyên và Môi trường các địa phương liên hệ có liên quan và Bộ Tài nguyên và Môi trường để lấy ý kiến góp ý bằng văn bản.

- Bước 6: Trong thời hạn không quá 30 kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường các địa phương liên hệ có liên quan và Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm trả lời bằng văn bản.

- Bước 7: Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến góp ý, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Bước 8: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt, điều chỉnh vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất.

- Bước 9: Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày có Quyết định phê duyệt, điều chỉnh Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức công bố Danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất và phương án, lộ trình tổ chức thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất trên các phương tiện thông tin đại chúng và gửi đề đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; thông báo tới Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; thông báo tới các tổ chức, cá nhân có liên quan để tổ chức thực hiện, đồng thời gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ trình, phê duyệt:

- Tờ trình kèm theo dự thảo Quyết định phê duyệt, điều chỉnh;

Tờ trình phải bao gồm các nội dung chính sau đây: quá trình tổ chức thực hiện; thuyết minh về căn cứ, kết quả khoan định; thuyết minh phương án, lộ trình tổ chức thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất đối với từng khu vực, từng công trình nằm trong vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất và việc tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý;

- Dự thảo Danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất;
- Dự thảo Bản đồ phân vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất;
- Dự thảo phương án, lộ trình tổ chức thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất;
- Báo cáo thuyết minh kết quả khoan định vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất. Báo cáo thuyết minh phải luận chứng, thuyết minh rõ về căn cứ để khoan định, phạm vi khoan định vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất.

- Bản tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, bản chụp văn bản góp ý của Bộ Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị có liên quan;

- Tài liệu khác có liên quan.

d) Thời gian thực hiện:

- Thời gian các cơ quan, tổ chức, cá nhân cho ý kiến: 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến.

- Thời gian Bộ Tài nguyên và Môi trường cho ý kiến: không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt/điều chỉnh Danh mục vùng cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;
- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2023 của Chính phủ quy định

chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

10. Lập danh mục các đập, hồ chứa trên sông, suối phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành thuộc địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương và các đơn vị liên quan thực hiện rà soát, xác định danh mục các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc phạm vi quản lý phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi lấy ý kiến Bộ Tài nguyên và Môi trường, cơ quan, tổ chức lưu vực sông, tổ chức, cá nhân có liên quan về dự thảo Danh mục đập, hồ chứa phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành trên các lưu vực sông thuộc phạm vi tỉnh.

- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt Danh mục đập, hồ chứa phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành.

- Bước 4: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Danh mục đập, hồ chứa phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Danh mục đập, hồ chứa phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

11. Lập danh mục các đập, hồ chứa trên sông, suối phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở hạ du của nguồn nước liên tỉnh chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì lập Danh mục đập, hồ chứa trên sông, suối phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương và các đơn vị liên quan thực hiện rà soát, xác định danh mục các đập, hồ chứa trên sông, suối phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.

- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở hạ du của nguồn nước liên tỉnh gửi lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan trước khi lấy ý kiến Bộ Tài nguyên và Môi trường, tổ chức lưu vực sông, và tổ chức, cá nhân có liên quan về dự thảo Danh mục đập, hồ chứa trên sông, suối phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.

- Bước 4: Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện dự thảo Danh mục đập, hồ chứa phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành.

- Bước 5: Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở hạ du của nguồn nước liên tỉnh phê duyệt danh mục đập, hồ chứa phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường ở hạ du của nguồn nước liên tỉnh.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở hạ du của nguồn nước liên tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở hạ du của nguồn nước liên tỉnh phê duyệt Danh mục đập, hồ chứa phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

12. Phê duyệt quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, tổ chức, cá nhân quản lý vận hành đập, hồ chứa và các đơn vị liên quan thực hiện xây dựng quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc phạm vi quản lý.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi lấy ý kiến Bộ Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan, tổ chức lưu vực sông (nếu có) và tổ chức, cá nhân có liên quan về dự thảo quy chế phối hợp vận hành.

- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tiếp thu, giải trình góp ý và hoàn thiện dự thảo quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối theo ý kiến góp ý và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

- Bước 4: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc phạm vi tỉnh.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;
- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

13. Phê duyệt quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở hạ du của nguồn nước liên tỉnh chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì xây dựng quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương và các đơn vị liên quan xây dựng quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.

- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở hạ du của nguồn nước liên tỉnh gửi lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan, các cơ quan, tổ chức lưu vực sông (nếu có) và tổ chức, cá nhân có liên quan trước khi lấy ý kiến Bộ Tài nguyên và Môi trường về dự thảo quy chế phối hợp vận hành.

- Bước 4: Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tiếp thu, giải trình và hoàn thiện dự thảo quy chế phối hợp vận hành theo ý kiến góp ý và hoàn thiện dự thảo quy chế phối hợp vận hành.

- Bước 5: Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở hạ du của nguồn nước liên tỉnh phê duyệt quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường ở hạ du của nguồn nước liên tỉnh.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở hạ du của nguồn nước liên tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

14. Lập danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện lập Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp trên địa bàn tỉnh.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi lấy ý kiến góp ý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan về hồ sơ xây dựng Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp. Hồ sơ gửi lấy ý kiến theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 57 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP.

- Bước 3: Trên cơ sở ý kiến góp ý, Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tiếp thu, giải trình và hoàn thiện Hồ sơ trình.

- Bước 4: Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để trình lấy ý kiến Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trước khi phê duyệt.

- Bước 5: Căn cứ vào Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp trên địa bàn tỉnh.

- Bước 6: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp trên địa bàn tỉnh.

- Bước 7: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có Quyết định phê duyệt, Sở Tài nguyên và Môi trường công bố Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp trên địa bàn tỉnh; gửi đăng tải lên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cập nhật vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ trình, phê duyệt:

- Tờ trình phê duyệt Danh mục hồ, ao, đầm phá nội tỉnh không được san lấp;

- Dự thảo Quyết định phê duyệt Danh mục hồ, ao, đầm phá nội tỉnh không được san lấp;

- Báo cáo thuyết minh việc lập Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp;

- Báo cáo tiếp thu giải trình ý kiến của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;

- Bản tổng hợp giải trình, tiếp thu các ý kiến góp ý, kèm theo bản chụp các ý kiến góp ý;

- Các tài liệu khác liên quan.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

15. Điều chỉnh danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Định kỳ (05 năm một lần) hoặc trong trường hợp cần thiết, Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát, cập nhật danh mục các hồ, ao, đầm, phá điều chỉnh bổ sung vào Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp đã phê duyệt.

Riêng đối với trường hợp điều chỉnh đưa ra khỏi danh mục: trên cơ sở đề xuất của các Sở, ngành hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Tài nguyên và Môi trường lập danh mục các hồ, ao, đầm, phá điều chỉnh đưa ra khỏi Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp đã phê duyệt.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi lấy ý kiến góp ý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương, Sở Xây dựng, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cơ quan, tổ chức có liên quan về hồ sơ đề nghị điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp.

- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức và hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 4: Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề trình lấy ý kiến Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trước khi phê duyệt.

- Bước 5: Căn cứ vào Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Quyết định điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp trên địa bàn tỉnh.

- Bước 6: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Quyết định điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp trên địa bàn tỉnh.

- Bước 7: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có Quyết định điều chỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức công bố Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp trên địa bàn tỉnh đã được điều chỉnh; gửi đăng tải lên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cập nhật vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ trình, phê duyệt:

- Tờ trình điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm phá nội tỉnh không được san lấp;

- Dự thảo Quyết định điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm phá nội tỉnh không được san lấp;

- Báo cáo thuyết minh việc lập Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp (*đối với trường hợp điều chỉnh bổ sung vào danh mục*) hoặc Báo cáo thuyết minh lý do việc đưa ra khỏi Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp (*đối với trường hợp điều chỉnh đưa ra khỏi danh mục*);

- Báo cáo tiếp thu giải trình ý kiến của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;

- Bản tổng hợp giải trình, tiếp thu các ý kiến góp ý, kèm theo bản chụp các ý kiến góp ý;

- Các tài liệu khác liên quan.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.